ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **LIÊN SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN** **SỞ TÀI CHÍNH** **SỞ LAO ĐỘNG-THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2383 /LCQ-SNN-STC-SLĐTBXH	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 12 năm 2013*

HƯỚNG DẪN

Về việc thực hiện Quyết định số 41/2013/QĐ-UBND ngày 27 tháng 9 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy định về các chế độ, chính sách và mức hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ Quyết định số 41/2013/QĐ-UBND ngày 27 tháng 9 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy định về các chế độ, chính sách và mức hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Liên Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính và Sở Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 41/2013/QĐ-UBND ngày 27 tháng 9 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy định về các chế độ, chính sách và mức hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, như sau:

I. Phạm vi điều chỉnh:

Hướng dẫn này nhằm triển khai thực hiện Quyết định số 41/2013/QĐ-UBND ngày 27 tháng 9 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy định về các chế độ, chính sách và mức hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

II. Nội dung cụ thể:

1. Đối tượng áp dụng:

Thực hiện theo khoản 2, Điều 1 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 41/2013/QĐ-UBND.

Cơ quan có thẩm quyền xác nhận là Ủy ban nhân dân quận - huyện.

Để giúp cho chính quyền các cấp thực hiện kịp thời, chính xác công tác quản lý và hỗ trợ, cứu trợ thiên tai, Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường – xã - thị trấn cần thành lập Hội đồng để thực hiện việc thống kê, kiểm kê, đánh giá thiệt hại thực tế và đề xuất nhu cầu hỗ trợ, cứu trợ sau thiên tai, cụ thể:

- Đối với Ủy ban nhân dân phường – xã – thị trấn: thành lập Hội đồng kiểm kê, đánh giá thiệt hại gồm thành phần cơ bản như sau: Lãnh đạo Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường – xã – thị trấn, cán bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Trưởng ấp – khu phố.

- Đối với Ủy ban nhân dân quận – huyện: thành lập Hội đồng thẩm định thiệt hại gồm thành phần cơ bản như sau: Lãnh đạo Ủy ban nhân dân quận – huyện, phòng Quản lý đô thị, phòng Kinh tế, phòng Lao động – Thương binh và Xã hội, phòng Tài chính Kế hoạch, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt quận – huyện.

Tùy thực tế tình hình ảnh hưởng của thiên tai đến ngành, lĩnh vực nào, các quận – huyện, phường – xã – thị trấn bổ sung thành viên Hội đồng phụ trách ngành, lĩnh vực đó nhằm giúp việc đánh giá, thẩm định thiệt hại, áp dụng chế độ, chính sách hỗ trợ, cứu trợ chính xác, đúng quy định về thương vong, sản xuất (nông nghiệp, thủy sản, lâm nghiệp, nghề muối, cơ sở tiểu thủ công nghiệp), nhà ở, công trình...

2. Mức hỗ trợ:

- Thực hiện theo Điều 3 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 41/2013/QĐ-UBND.

- Đối với hộ gia đình có nhà bị đổ, sập, trôi, cháy, hư hỏng có mức thiệt hại 80% thì hỗ trợ theo quy định tại tiết thứ 11 điểm b, khoản 2, Điều 3 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 41/2013/QĐ-UBND ngày 27/9/2013.

- Đối với mức trợ giúp cứu đói quy định tại tiết 1, khoản 4, căn cứ vào tình hình thực tế và mức độ thiệt hại của người dân bị ảnh hưởng, Ủy ban nhân dân quận, huyện quyết định thời gian hỗ trợ phù hợp, đảm bảo cho người dân ổn định cuộc sống nhưng tối đa không quá 03 tháng.

- Đối với chính sách hỗ trợ cây trồng, vật nuôi, thủy sản bị ảnh hưởng của thiên tai quy định tại khoản 5, Điều 3 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 41/2013/QĐ-UBND ngày 27/9/2013:

Căn cứ mức hỗ trợ quy định tại Điều 1 Thông tư số 33/2013/TT-BTC ngày 21/3/2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung Điều 2 Thông tư số 187/2010/TT-BTC ngày 22/11/2010 của Bộ Tài chính quy định về cơ chế, chính

sách hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh và căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương, Ủy ban nhân dân quận, huyện xác định mức độ thiệt hại của từng loại cây trồng; từng loại gia súc, gia cầm; nuôi trồng thủy, hải sản bị thiên tai và mức hỗ trợ cụ thể cho các hộ nông dân, chủ trang trại, tổ hợp tác, hợp tác xã bị thiệt hại trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân quận – huyện:

Thực hiện theo Điều 8 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 41/2013/QĐ-UBND. Trong đó, công tác thống kê, kiểm kê, đánh giá mức độ thiệt hại, nhu cầu hỗ trợ giống khôi phục sản xuất thực hiện sau:

- Đối với nhà ở của người dân bị sập, tốc mái, hư hỏng phải thống kê rõ họ tên chủ hộ, địa chỉ, nhân khẩu, kết cấu nhà; đồng thời, phải ghi rõ mức độ thiệt hại như nhà sập hoàn toàn, nhà sập một phần, nhà hư hỏng một phần, tốc mái hoàn toàn, tốc mái một phần. Ngoài ra đối với các công trình công cộng như điện, viễn thông, cây xanh, trụ sở, trường học, trạm xá, chợ, công trình văn hóa, phòng chống thiên tai...các cơ quản chủ quản thực hiện kiểm kê, thẩm định, đánh giá thiệt hại theo đúng quy định. Đối với tàu, thuyền, ghe bị chìm, hư hỏng phải thống kê rõ chủ phương tiện, số hiệu và tải trọng, vị trí khu vực bị chìm.

- Tổng hợp, kiểm kê, đánh giá thiệt hại thực hiện theo mẫu tại Phụ lục số 4 ban hành kèm theo Quyết định số 31 QĐ/PCLBTW ngày 24 tháng 02 năm 2012 của Trưởng Ban Chỉ đạo Phòng chống lụt bão Trung ương và Hướng dẫn cách tính và giải thích cụ thể các hạng mục trong bảng tổng hợp thiệt hại kèm theo.

- Thời gian tổ chức đánh giá, thẩm định thiệt hại, tổng hợp, báo cáo và đề xuất hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai: chậm nhất là 05 ngày kể từ khi thiên tai kết thúc. Đối với thiên tai xảy ra trên diện rộng, gây thiệt hại lớn thì thời gian được kéo dài nhưng không quá 15 ngày.

- Báo cáo đánh giá, thẩm định thiệt và đề xuất hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai của quận – huyện, phường – xã – thị trấn phải công khai đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 41/2013/QĐ-UBND.

Các nội dung khác không đề cập trong Hướng dẫn này, thực hiện theo quy định tại Quyết định số 41/2013/QĐ-UBND ngày 27/9/2013 của Ủy ban nhân dân thành phố.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, Ủy ban nhân dân quận – huyện báo cáo về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính và Sở Lao động – Thương binh và Xã hội để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế.

(Đính kèm Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Quyết định số 31 QĐ/PCLBTW ngày 24 tháng 02 năm 2012 của Trưởng Ban Chỉ đạo Phòng chống lụt bão Trung ương và Hướng dẫn cách tính và giải thích cụ thể các hạng mục trong bảng tổng hợp thiệt hại)./.

SỞ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI KT.GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC	SỞ TÀI CHÍNH KT.GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC	SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN KT.GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC
NGUYỄN THỊ TUYẾT NHUNG	Lê Quang Vinh	Trần Công Lý

Nơi nhận:
- Như trên;
- Thường trực UBND TP (b/c);
- Ông Lê Hoàng Quân – Chủ tịch UBND TP (b/c);
- Ông Lê Thanh Liêm – Phó Chủ tịch UBND TP (b/c);
- Văn phòng UBND TP;
- UBND các quận, huyện;
- Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Lao động – Thương binh và Xã hội;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam TP;
- Các Thành viên Ban Chỉ huy PCLB và TKCN TP;
- Ban Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Văn phòng Sở Nông nghiệp và PTNT;
- P.KHTC Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Chi cục Phát triển nông thôn;
- Chi cục Thủy lợi và PCLB;
- Lưu, VT, PCLB, KT – T.V (74).

Phụ lục số 4: (Ban hành kèm theo Quyết định số **31** *QĐ/PCLBTW ngày* **24** *tháng* **02** *năm* **2012** *của Trưởng ban chỉ đạo PCLBTW).*

BẢNG THỐNG KÊ THIỆT HẠI DO THIÊN TAI GÂY RA

Tên địa phương:.....

Loại thiên tai:.....

Nơi xảy ra thiên tai:.....

Trong đó: Các xã phường, thị trấn bị thiệt hại nặng (ghi tên xã phường thuộc từng Quận/Huyện):.....

.....

Từ ngày..... đến ngày.....tháng..... năm.....

TT	Loại thiệt hại	Mã	Hạng mục	Đơn vị tính	Tổng thiệt hại Tỉnh/thành phố			Ghi chú
					Số lượng	Đơn giá (đồng)	Giá trị (Tr. đồng)	
1	NGƯỜI	NG01	Số người chết	người		x	x	
		NG011	*Trong đó: Trẻ em (dưới 16 tuổi)*	người		x	x	
		NG012	*Nữ giới*	người		x	x	
		NG02	Số người mất tích	người		x	x	
		NG021	*Trong đó: Trẻ em (dưới 16 tuổi)*	người		x	x	
		NG022	*Nữ giới*	người		x	x	
		NG03	Số người bị thương	người		x	x	
		NG031	*Trong đó: Trẻ em (dưới 16 tuổi)*	người		x	x	
		NG032	*Nữ giới*	người		x	x	
		NG04	Số hộ bị ảnh hưởng	hộ		x	x	
		NG05	Số người bị ảnh hưởng	người		x	x	
2	NHÀ VÀ TÀI SẢN	NH01	Nhà sập đổ, cuốn trôi	cái				
		NH011	*Nhà kiên cố*	cái				
		NH012	*Nhà bán kiên cố*	cái				
		NH013	*Nhà tạm*	cái				
		NH02	Nhà bị tốc mái, hư hại	cái				

TT	Loại thiệt hại	Mã	Hạng mục	Đơn vị tính	Tổng thiệt hại Tỉnh/thành phố			Ghi chú
					Số lượng	Đơn giá (đồng)	Giá trị (Tr. đồng)	
		NH021	*Nhà kiên cố*	*cái*				
		NH022	*Nhà bán kiên cố*	*cái*				
		NH023	*Nhà tạm*	*cái*				
		NH03	**Nhà bị ngập nước**	*cái*				
		NH04	**Các thiệt hại khác (*)**	*tr đồng*	x			
3	GIÁO DỤC	**GD01**	**Số điểm trường bị ảnh hưởng**	*điểm trường*				
		GD011	*Phòng học bị sập đổ,cuốn trôi*	*phòng*				
		GD012	*Phòng học bị tốc mái, hư hại*	*phòng*				
		GD013	*Phòng học ngập nước*	*phòng*				
		GD02	**Số học sinh, sinh viên phải nghỉ học**	*người*		x	x	
		GD03	**Bàn ghế bị thiệt hại**	*bộ*				
		GD04	**Sách bị thiệt hại**	*cuốn sách*				
		GD05	**Các thiệt hại khác (*)**	*tr đồng*	x	x		
4	Y TẾ	**YT01**	**Số BV,T.tâm Y tế;trạm xá bị ảnh hưởng**	*điểm*				
		YT011	*Số phòng bị sập đổ, cuốn trôi*	*phòng*				
		YT012	*Số phòng bị tốc mái, hư hỏng*	*phòng*				
		YT013	*Số phòng bị ngập nước*	*phòng*				
		YT02	**Các thiệt hại khác (*)**	*tr đồng*	x	x		
5	NÔNG LÂM, NGHIỆP	**NN01**	**Diện tích lúa bị thiệt hại**	*ha*				
		NN011	*Trong đó: Mất trắng (trên 70%)*	*ha*				
		NN012	*Giảm sản lượng (từ 30% đến 70%)*	*Ha*				
		NN02	**Diện tích hoa, rau màu bị thiệt hại**	*ha*				
		NN021	*Trong đó: Mất trắng (trên 70%)*	*ha*				
		NN022	*Giảm sản lượng (từ 30% đến 70%)*	*Ha*				

TT	Loại thiệt hại	Mã	Hạng mục	Đơn vị tính	Tổng thiệt hại Tỉnh/thành phố			Ghi chú
					Số lượng	Đơn giá (đồng)	Giá trị (Tr. đồng)	
		NN03	**Diện tích cây công nghiệp dài ngày bị thiệt hại**	*ha*				
		NN031	*Trong đó: Mất trắng (trên 70%)*	*Ha*				
		NN032	*Giảm sản lượng (từ 30% đến 70%)*	*Ha*				
		NN04	**Diện tích cây công nghiệp ngắn ngày thiệt hại**	*ha*				
		NN041	*Trong đó: Mất trắng (trên 70%)*	*ha*				
		NN042	*Giảm sản lượng (từ 30% đến 70%)*	*Ha*				
		NN05	**Diện tích cây ăn quả tập trung bị thiệt hại**	*ha*				
		NN051	*Trong đó: Mất trắng (trên 70%)*	*Ha*				
		NN052	*Giảm sản lượng (từ 30% đến 70%)*	*Ha*				
		NN06	**Diện tích rừng bị thiệt hại**	*ha*				
		NN07	**Diện tích ruộng muối bị thiệt hại**	*ha*				
		NN08	**Diện tích đất canh tác bị xâm lấn, ngập mặn, xói lở, bồi lấp**	*ha*				
		NN09	**Đất thổ cư bị xói lở, bồi lấp**	*ha*				
		NN10	**Cây giống bị thiệt hại**	*ha*				
		NN11	**Hạt giống bị thiệt hại**	*tấn*				
		NN12	**Lương thực bị thiệt hại**	*tấn*				
		NN13	**Đại gia súc bị chết**	*con*				
		NN14	**Tiểu gia súc bị chết**	*con*				
		NN15	**Gia cầm bị chết**	*con*				
		NN16	**Thuốc trừ sâu bị trôi**	*tấn*				
		NN17	**Phân bón bị trôi**	*tấn*				
		NN18	**Muối bị thiệt hại**	*tấn*				
		NN 19	**Thức ăn gia súc, gia cầm bị hư hại**	*tấn*				
		NN 20	**Cây cảnh bị thiệt hại**	*tr đồng*	x	x		
		NN 21	**Các thiệt hại khác (*)**	*tr đồng*	x	x		

TT	Loại thiệt hại	Mã	Hạng mục	Đơn vị tính	Tổng thiệt hại Tỉnh/thành phố			Ghi chú
					Số lượng	Đơn giá (đồng)	Giá trị (Tr. đồng)	
6	THỦY LỢI	TL01	Đê từ cấp III đến cấp đặc biệt bị hư hại					
		TL011	*Chiều dài*	*m*		x	x	
		TL012	*Khối lượng đất*	*m3*				
		TL013	*Khối lượng đá, bê tông*	*m3*				
		TL02	Đê từ cấp IV trở xuống, đê bối, bờ bao bị thiệt hại					
		TL021	*Chiều dài*	*m*		x	x	
		TL022	*Khối lượng đất*	*m3*				
		TL023	*Khối lượng đá, bê tông*	*m3*				
		TL03	Kè bị thiệt hại					
		TL031	*Chiều dài*	*m*		x	x	
		TL032	*Khối lượng đất*	*m3*				
		TL033	*Khối lượng đá, bê tông*	*m3*				
		TL04	Kênh mương bị thiệt hại					
		TL041	*Chiều dài*	*m*		x	x	
		TL042	*Khối lượng đất*	*m3*				
		TL043	*Khối lượng đá, bê tông*	*m3*				
		TL05	Hồ chứa, đập dâng bị thiệt hại	*cái*				
		TL051	*Khối lượng đất*	*m3*				
		TL052	*Khối lượng đá, bê tông*	*m3*				
		TL06	Số trạm bơm bị thiệt hại	*trạm*				
		TL07	Công trình thủy lợi khác bị thiệt hại					
		TL071	*Công trình thuỷ lợi kiên cố bị đổ trôi, thiệt hại*	*cái*				
		TL072	*Công trình thuỷ lợi tạm bị trôi, thiệt hại*	*cái*				
		TL08	Các thiệt hại khác(*)	*tr đồng*	x	x		
7	GIAO THÔNG	GT01	Đường quốc lộ, tỉnh lộ bị thiệt hại					

TT	Loại thiệt hại	Mã	Hạng mục	Đơn vị tính	Tổng thiệt hại Tỉnh/thành phố			Ghi chú
					Số lượng	Đơn giá (đồng)	Giá trị (Tr. đồng)	
		GT011	*Chiều dài sạt lở, cuốn trôi, hư hại*	*m*			x	
		GT012	*Chiều dài bị ngập*	*m*			x	
		GT013	*Khối lượng đất*	*m3*				
		GT014	*Khối lượng đá, bê tông*	*m3*				
		GT02	**Đường giao thông nông thôn bị thiệt hại**					
		GT021	*Chiều dài sạt lở, cuốn trôi*	*m*			x	
		GT022	*Chiều dài bị ngập*	*m*			x	
		GT023	*Khối lượng đất*	*m3*				
		GT124	*Khối lượng đá, bê tông*	*m3*				
		GT03	**Đường sắt bị thiệt hại**					
		GT031	*Chiều dài sạt lở, cuốn trôi*	*m*			x	
		GT032	*Chiều dài bị ngập*	*m*			x	
		GT033	*Khối lượng đất*	*m3*				
		GT034	*Khối lượng đá, bê tông*	*m3*				
		GT04	**Cầu, cống bị thiệt hại**					
		GT041	*Cấu kiện cố bị trôi, phá huỷ*	*cái*				
		GT042	*Cấu kiện cố bị hư hỏng*	*cái*				
		GT043	*Cầu tạm (gỗ, ván) bị trôi,*	*cái*				
		GT044	*Cầu tạm (gỗ, ván) bị hư hỏng*	*cái*				
		GT045	*Ngầm kiên cố bị trôi, thiệt hại*	*cái*				
		GT05	**Các phương tiện giao thông khác bị thiệt hại**					
		GT051	*Phà, canô, tầu vận tải thủy bị chìm*	*cái*				
		GT052	*Phà, canô, tầu vận tải thủy bị thiệt hại*	*cái*				
		GT053	*Ô tô, xe chuyên dùng bị thiệt hại*	*cái*				
		GT054	*Xuồng ghe, tàu thuyền phục vụ giao thông bị thiệt hại*	*cái*				
		GT06	**Điểm đường giao thông bị ngập gây ách tắc**	*điểm*				

TT	Loại thiệt hại	Mã	Hạng mục	Đơn vị tính	Tổng thiệt hại Tỉnh/thành phố			Ghi chú
					Số lượng	Đơn giá (đồng)	Giá trị (Tr. đồng)	
		GT07	**Bến cảng bị thiệt hại**	*tr đồng*	x	x		
		GT08	**Sân bay bị hư hại**	*tr đồng*	x	x		
		GT09	**Các thiệt hại khác (*)**	*tr đồng*	x	x		
8	**THUỶ SẢN**	**TS01**	**Diện tích nuôi trồng thuỷ, hải sản bị thiệt hại**	*ha*				
		TS01	*Thiệt hại trên 70%*	*Ha*				
		TS02	*Thiệt hại từ 30% đến 70%.*	*Ha*				
		TS02	**Số lượng tôm, cá thịt bị mất**	*tấn*				
		TS03	**Tôm, cá giống bị mất**					
		TS031	*Giống tôm*	*vạn con*				
		TS032	*Giống cá*	*vạn con*				
		TS033	*Các loại giống khác*	*tr đồng*	x	x		
		TS04	**Các loại thuỷ, hải sản khác bị mất**	*tr đồng*	x	x		
		TS05	**Lồng, bè, ao hầm nuôi tôm, cá bị thiệt hại**	*cái*				
		TS06	**Phương tiện khai thác thuỷ, hải sản bị thiệt hại**					
		TS061	*Tầu thuyền (>100CV) bị chìm,bị phá huỷ*	*cái*				
		TS062	*Tầu thuyền (>100CV) bị mất tích*					
		TS063	*Tầu thuyền (>100CV) bị hư hỏng*	*cái*				
		TS064	*Tầu thuyền (từ 50CV đến 100CV) bị chìm, phá huỷ*	*cái*				
		TS065	*Tầu thuyền (từ 50CV đến 100CV) bị mất tích*					
		TS066	*Tầu thuyền (từ 50CV đến 100CV) bị hư hỏng*	*cái*				
		TS067	*Tầu thuyền (<50CV) bị chìm,phá huỷ*	*cái*				
		TS068	*Tầu thuyền (<50CV) bị thiệt hại*	*cái*				
		TS069	*Chài, lưới bị thiệt hại*	*tấn*				
		TS07	**Các thiệt hại khác(*)**	*tr đồng*	x	x		

HƯỚNG DẪN GIẢI THÍCH BẢNG BIỂU THỐNG KÊ THIỆT HẠI

(Phụ lục 4)

1. Một số định nghĩa và qui định chung

1.1. Trẻ em: Trẻ em là những người dưới 16 tuổi.

1.2. Nữ giới: Là những người có giới tính là nữ không kể tuổi tác.

1.3. Người được tính là người sinh sống tại địa phương

- Những người đã và đang sống ổn định tại địa phương.

- Những người mới đến nhưng có ý định sống lâu dài tại địa phương: người mới chuyển đến làm ăn sinh sống, bộ đội xuất ngũ, trẻ em mới sinh, con dâu/rể về nhà bố mẹ chồng/vợ, bố/mẹ đến ở với con cái...

- Những học sinh/sinh viên từ các địa phương khác đến học tập và ở lại tại địa phương ít nhất 4 ngày/tuần.

1.4. Người không được tính là người sinh sống tại địa phương bao gồm:

- Người từ địa phương khác đến thăm viếng không với mục đích sống tại đó.

- Người từ nơi khác trôi dạt về.

- Người từ địa phương khác đi qua nơi xảy ra thiên tai.

1.5. Giá trị còn lại của nhà, trụ sở cơ quan hoặc các công trình đang sử dụng được tính theo phương pháp trừ khấu hao theo công thức sau:

$$\text{Giá trị còn lại} = \text{Tổng giá trị xây mới và sửa chữa lớn} - \frac{\text{Tổng giá trị xây mới và sửa chữa lớn}}{\text{Số năm có thể sử dụng}} \times \text{Số năm đã sử dụng}$$

Trong đó:

- Tổng giá trị xây mới và sửa chữa lớn được tính như sau:

$$\text{Tổng giá trị xây mới và sửa chữa lớn} = \text{Tổng diện tích sử dụng của nhà/công trình } (m^2) \times \text{Đơn giá xây mới 1 } m^2 \text{ tại thời điểm hiện tại} + \text{Tổng giá trị các lần sửa chữa lớn}$$

- Sửa chữa lớn: Là công việc sửa chữa nhằm cải tạo, khôi phục, làm tăng diện tích sử dụng và kéo dài thời gian sử dụng của ngôi nhà. Sửa chữa lớn thường làm thay đổi kết cấu chịu lực của ngôi nhà.

- Số năm có thể sử dụng là số năm đảm bảo đủ an toàn cho việc sử dụng theo như hồ sơ thiết kế hoặc số năm đủ đảm bảo an toàn sử dụng dựa theo phân loại nhà/công trình.

- Số năm đã sử dụng là số năm kể từ khi ngôi nhà/công trình đó hoàn thiện và đưa vào sử dụng cho đến lúc bị ảnh hưởng của thiên tai.

- Đơn giá xây mới 1 m^2 nhà/công trình được tính cho từng loại nhà tại thời điểm nhà bị thiệt hại (nhà kiên cố, nhà bán kiên cố hoặc nhà tạm), giá này do các địa phương tự qui định.

* ***Chú ý:*** Nếu giá trị còn lại của nhà/công trình bằng hoặc nhỏ hơn giá trị nhà tạm (giá trị nhà tạm do địa phương qui định), thì qui định giá trị còn lại của ngôi nhà/công trình đó bằng giá trị nhà tạm.

1.6. Khái niệm về các loại nhà

- Nhà kiên cố: gồm biệt thự, nhà cao tầng, nhà một tầng mái bằng, thời gian sử dụng cao (từ 20 năm trở lên).

- Nhà bán kiên cố: là nhà có chất lượng xây dựng và thời gian sử dụng thấp so với nhà kiên cố (khoảng dưới 20 năm). Bao gồm các nhà tường xây hay ghép gỗ, mái ngói, mái tôn (hoặc vật liệu tương đương).

- Nhà tạm và các loại nhà khác: là các loại nhà không thuộc các nhóm trên. Gồm nhà có kết cấu vật liệu đơn giản như các loại lều lán, trại và những nơi tận dụng để ở có tính chất tạm thời.

1.7. Trong Phụ lục 4 (Bảng thống kê thiệt hại): Đối với những dòng có đánh dấu "x" thì không ghi thông tin

2. Các qui định cụ thể

2.1. Nhóm chỉ tiêu thiệt hại về người

2.1.1. Số người chết

a. Khái niệm/định nghĩa

Người chết là những người mà ngay trước khi thiên tai xảy ra sống tại đơn vị hành chính báo cáo đã bị chết do thiên tai gây ra và đã tìm thấy thi thể.

b. Phương pháp tính

- Đếm và thống kê.

Người chết do bị ốm hoặc do những nguyên nhân không liên quan đến thiên tai không được tính vào danh sách người chết do thiên tai. Những trường hợp người chết không phải là người đang sinh sống tại địa phương cần phải ghi rõ trong phần ghi chú.

c. Đơn vị tính: Người

2.1.2. Số người mất tích

a. Khái niệm/định nghĩa

Người mất tích là những người mà ngay trước khi thiên tai xảy ra sống tại đơn vị hành chính báo cáo bị mất tích, có thể đã bị chết do thiên tai nhưng chưa tìm thấy thi thể hoặc chưa có tin tức sau khi thiên tai xảy ra.

b. Phương pháp tính

- Đếm và thống kê.

Sau một tháng, nếu không có tin tức gì về số người mất tích này thì sẽ tính họ vào những người đã chết do thiên tai.

c. Đơn vị tính: Người

2.1.3. Số người bị thương

a. Khái niệm/định nghĩa

Người bị thương là những người bị tổn thương về thể xác do ảnh hưởng trực tiếp của thiên tai, làm ảnh hưởng đến cuộc sống bình thường. Những trường hợp bị sốc hoặc ảnh hưởng đến tâm trí do biến cố ảnh hưởng đến gia đình và bản thân không được tính là số người bị thương.

b. Phương pháp tính

Đếm và thống kê.

c. Đơn vị tính: Người

2.1.4. Số hộ bị ảnh hưởng

a. Khái niệm/định nghĩa

Số hộ bị ảnh hưởng bao gồm những hộ bị thiệt hại về người, tài sản hoặc những hộ phải di dời do ảnh hưởng trực tiếp của thiên tai.

Những trường hợp bị mất tài sản do tình trạng mất trật tự an ninh do thiên tai gây ra không được tính.

b. Phương pháp tính

Đếm và thống kê.

c. Đơn vị tính: Hộ gia đình.

2.1.5. Số người bị ảnh hưởng

a. Khái niệm/định nghĩa

Người bị ảnh hưởng bởi thiên tai là những người bị ốm, bị thương, phải sơ tán, mất người thân, mất tài sản trực tiếp do thiên tai.

b. Phương pháp tính

Đếm và thống kê.

c. Đơn vị tính: Người

2.2. Nhóm chỉ tiêu thiệt hại về nhà ở

2.2.1. Nhà sập đổ, cuốn trôi

a. Khái niệm/định nghĩa

Nhà ở bị sập đổ, bị cuốn trôi là những ngôi nhà ở của dân (gồm cả nhà tập thể, nhà ở của dân do nhà nước cấp) bị sập đổ hoàn toàn hoặc bị cuốn trôi do ảnh hưởng của lụt, bão thiên tai mà không thể sửa chữa hoặc khắc phục lại được.

b. Phương pháp tính

- Đếm và thống kê.

- Giá trị thiệt hại: tính giá trị còn lại của từng ngôi nhà theo phương pháp trừ khấu hao.

c. Đơn vị tính

- Số lượng: Cái

- Giá trị thiệt hại: Triệu đồng

2.2.2. Nhà bị tốc mái, hư hại

a. Khái niệm/định nghĩa

Nhà ở bị hư hại là nhà ở của dân bị hư hại một phần như tốc mái, lở tường... do ảnh hưởng trực tiếp của lụt, bão mà có thể sửa chữa, khôi phục hoặc cải tạo lại đảm bảo an toàn để ở.

b. Phương pháp tính

- Đếm và thống kê.

- Giá trị thiệt hại = Giá trị còn lại của ngôi nhà x % mức độ thiệt hại.

- Mức độ thiệt hại: Gồm các tài sản bị hư hỏng đến mức thiệt hại từ 50% trở lên (hư hỏng nặng) hoặc những tài sản bị ngập nước, thấm nước, hư hỏng mức độ dưới 50% (hư hỏng một phần).

c. Đơn vị tính:

- Số lượng: Cái

- Giá trị thiệt hại: Triệu đồng

2.2.3. Nhà bị ngập nước

a. Khái niệm/định nghĩa

Nhà bị ngập nước là những ngôi nhà ở của dân bị ngập sàn, nền, mức độ ngập từ 0,2 m trở lên đối với diện tích sinh hoạt thường xuyên.

b. Phương pháp tính

- Đếm và thống kê.

- Tính giá trị thiệt hại: Giá trị còn lại của ngôi nhà x % mức độ thiệt hại.

c. Đơn vị tính:

- Số lượng: Cái

- Giá trị thiệt hại: Triệu đồng

2.2.4. Các thiệt hại khác

a. Khái niệm/định nghĩa

- Các thiệt hại khác: Là toàn bộ tài sản của các hộ gia đình như: bàn, ghế, giường, tủ, máy giặt, máy tính, ti vi, điện thoại... bị cuốn trôi hoặc bị hỏng (có thể hoặc không thể sửa chữa được) do thiên tai gây ra.

- Các loại tài sản (có trong hộ gia đình) như sau không được tính vào mục Các thiệt hại khác mà tính vào các hạng mục đã có trong biểu bảng:

+ Lương thực, thực phẩm.

+ Thuốc trừ sâu.

+ Phân bón.

+ Ô tô các loại.

b. Phương pháp tính

- Số lượng: Đếm và thống kê chi tiết trong phụ lục Bảng danh mục các loại thiệt hại kèm theo.

- Đối với các đồ dùng lâu bền và tài sản của hộ: giá trị thiệt hại là giá trị của tài sản đó tại thời điểm bị thiệt hại (nếu đem bán).

c. Đơn vị tính

- Giá trị thiệt hại: Triệu đồng

Lưu ý: Mục các thiệt hại khác gửi kèm Bảng danh mục các loại thiệt hại kèm theo (bao gồm: Tên loại thiệt hại, số lượng và giá trị thiệt hại tương ứng đối với từng loại thiệt hại đó).

2.3. Nhóm chỉ tiêu thiệt hại về giáo dục

2.3.1. Số điểm trường bị ảnh hưởng

a. Khái niệm/định nghĩa

- Điểm trường là cơ sở vật chất của trường học, là nơi cho học sinh đến học. Một trường học có thể có nhiều điểm trường.

- Điểm trường bị ảnh hưởng trực tiếp của thiên tai là các điểm trường có cơ sở vật chất như phòng học, bàn ghế, sách vở, dụng cụ học tập dành cho học sinh... bị thiệt hại bởi thiên tai.

b. Phương pháp tính

- Đếm và thống kê.

- Giá trị thiệt hại là tổng giá trị thiệt hại của: phòng học bị đổ trôi, phòng học bị hư hại, phòng học bị ngập nước, bàn ghế bị hư hại, sách vở bị hư hại và thiết bị giáo dục bị thiệt hại.

- Giá trị thiệt hại của chỉ tiêu GD01 = Giá trị thiệt hại của chỉ tiêu GD011 + Giá trị thiệt hại của chỉ tiêu GD012 + Giá trị thiệt hại của chỉ tiêu GD013.

c. Đơn vị tính

- Số lượng: Điểm

- Giá trị thiệt hại: Triệu đồng

2.3.2. Phòng học bị sập đổ, cuốn trôi

a. Khái niệm/định nghĩa

- Phòng học là cơ sở vật chất của trường học, nơi học sinh thường xuyên đến ngồi theo từng lớp để nghe giáo viên giảng bài, không phân biệt số ca, số lớp hay số người sử dụng.

- Phòng học bị đổ, trôi là phòng học bị lụt, bão, thiên tai làm sập đổ không thể khắc phục/sửa chữa để đảm bảo an toàn cho học sinh có thể ngồi học được hoặc bị trôi mất hoàn toàn.

b. Phương pháp tính

- Đếm và thống kê.

- Giá trị thiệt hại của phòng học bị sập đổ, cuốn trôi = Giá trị còn lại của phòng học.

c. Đơn vị tính

- Số lượng: Phòng

- Giá trị thiệt hại: Triệu đồng

2.3.3. Phòng học bị tốc mái, hư hại

a. Khái niệm/định nghĩa

Phòng học bị tốc mái, hư hại là phòng học bị tốc mái, lở tường.... do ảnh hưởng trực tiếp của lụt, bão mà có thể sửa chữa, khôi phục hoặc cải tạo lại đảm bảo an toàn cho học sinh có thể ngồi học.

b. Phương pháp tính

- Đếm và thống kê.

- Giá trị thiệt hại = Giá trị còn lại của phòng học x % Mức độ thiệt hại.

c. Đơn vị tính:

- Số lượng: Phòng

- Giá trị thiệt hại: Triệu đồng

2.3.4. Phòng học ngập nước

a. Khái niệm/định nghĩa

Phòng học bị ngập nước là những phòng học bị ngập sàn, ngập nền, mức độ ngập từ 0,2 m trở lên do ảnh hưởng trực tiếp của thiên tai.

b. Phương pháp tính

- Đếm và thống kê.

- Giá trị thiệt hại = Giá trị còn lại của phòng học x % Mức độ thiệt hại.

c. Đơn vị tính

- Số lượng: Phòng

- Giá trị thiệt hại: Triệu đồng

2.3.5. Nhà tập thể và nhà bán trú cho học sinh bị thiệt hại

a. Khái niệm/định nghĩa

- Nhà tập thể và nhà bán trú cho học sinh là cơ sở vật chất của trường học, nơi học sinh nghỉ ngơi, sinh hoạt,... thường xuyên sau những giờ không phải lên lớp.

- Nhà tập thể và nhà bán trú cho học sinh bị thiệt hại là nhà bị thiên tai làm sập đổ hoàn toàn (không thể khắc phục/sửa chữa) hoặc bị tốc mái, hư hại (có thể sửa chữa, khôi phục hoặc cải tạo lại).

b. Phương pháp tính

- Đếm và thống kê.

- Giá trị thiệt hại của nhà tập thể và nhà bán trú bị thiệt hại = Giá trị còn lại của nhà tập thể và nhà bán trú.

c. Đơn vị tính

- Số lượng: Cái

- Giá trị thiệt hại: Triệu đồng

2.3.6. Số học sinh, sinh viên phải nghỉ học

a. Khái niệm/định nghĩa

- Học sinh/sinh viên là những người có tên trong danh sách đang theo học các lớp thuộc các trường học.

- Học sinh/sinh viên phải nghỉ học là những học sinh, sinh viên đang học tại các điểm trường đóng tại đơn vị hành chính báo cáo không đến lớp được do đường bị ngập lụt, trường học bị hỏng hoặc lụt bão quá nguy hiểm không thể đến trường học được.

b. Phương pháp tính

- Đếm và thống kê.

- Không ước tính thiệt hại cho mục này.

c. Đơn vị tính

Số lượng: Người

2.3.7. Bàn ghế bị thiệt hại

a. Khái niệm/định nghĩa

Bàn ghế bị thiệt hại là những bộ bàn ghế để học sinh ngồi học trong các phòng học bị hư hỏng toàn bộ, bị cuốn trôi hoặc hư hại một phần do ảnh hưởng trực tiếp của lụt, bão, thiên tai mà có thể sửa chữa được.

b. Phương pháp tính

- Đếm và thống kê.

- Giá trị thiệt hại: bằng giá trị hiện tại của bộ bàn ghế.

c. Đơn vị tính

- Số lượng: Bộ

- Giá trị thiệt hại: Triệu đồng

2.3.8. Sách bị thiệt hại

a. Khái niệm/định nghĩa

Sách bị hư hại do ảnh hưởng trực tiếp của lụt, bão là những loại sách giáo khoa của các điểm trường dùng cho việc giảng dạy bị hư hỏng toàn bộ hoặc bị cuốn trôi.

b. Phương pháp tính

- Đếm và thống kê.

- Giá trị thiệt hại = $\sum$(từng loại sách x đơn giá sách mới của loại sách đó).

c. Đơn vị tính

- Số lượng: Cuốn sách

- Giá trị thiệt hại: Triệu đồng

2.3.9. Các thiệt hại khác

a. Khái niệm/định nghĩa

Các thiệt hại khác: Là toàn bộ tài sản có trong các điểm trường đóng tại đơn vị hành chính báo cáo bị thiệt hại do thiên tai gây ra như: thiết bị giáo dục, tủ, giá để sách....

b. Phương pháp tính

- Số lượng: Đếm và thống kê chi tiết trong phụ lục Bảng danh mục các loại thiệt hại kèm theo.

- Đối với tài sản của các điểm trường: Giá trị thiệt hại là giá trị của tài sản đó tại thời điểm bị thiệt hại (nếu đem bán).

c. Đơn vị tính

- Giá trị thiệt hại: Triệu đồng

Lưu ý: Gửi kèm Bảng danh mục các loại thiệt hại kèm theo (bao gồm: tên loại thiệt hại, số lượng và giá trị thiệt hại tương ứng đối với từng loại thiệt hại đó).

2.4. Nhóm chỉ tiêu thiệt hại về y tế

2.4.1. Số bệnh viện, trung tâm y tế, trạm xá bị ảnh hưởng

a. Khái niệm/định nghĩa

Bệnh viện, trung tâm y tế, trạm xá là các cơ sở y tế của Nhà nước hoặc tư nhân đóng trên địa bàn đơn vị hành chính báo cáo có các cơ sở vật chất bị hư hỏng hoặc bị cuốn trôi do ảnh hưởng trực tiếp của thiên tai gây ra. (Không tính các cửa hàng bán thuốc).

b. Phương pháp tính

- Đếm và thống kê.

- Giá trị thiệt hại = $\sum$ giá trị thiệt hại của (Số phòng bị sập đổ, cuốn trôi + Số phòng bị tốc mái, hư hại + Số phòng bị ngập nước).

c. Đơn vị tính

- Số lượng: Điểm

- Giá trị thiệt hại: Triệu đồng

2.4.2. Số phòng bị sập đổ, cuốn trôi

a. Khái niệm/định nghĩa

- Phòng bệnh viện, trung tâm y tế, trạm xá là diện tích được ngăn kín đáo và có cửa ra vào tách riêng với phòng khác trong đó có các giường bệnh hoặc các thiết bị y tế phục vụ cho việc khám chữa bệnh.

- Phòng bệnh viện, trung tâm y tế, trạm xá bị đổ trôi là những phòng bệnh viện, trung tâm y tế, trạm xá thuộc cơ sở y tế đóng trên địa bàn đơn vị báo cáo bị sập đổ hoàn toàn không thể sửa chữa để có thể sử dụng lại được hoặc bị cuốn trôi mất do ảnh hưởng trực tiếp của thiên tai.

b. Phương pháp tính

- Đếm và thống kê.

- Giá trị thiệt hại của phòng bệnh viện, trung tâm y tế, trạm xá = Giá trị còn lại.

c. Đơn vị tính

- Số lượng: Phòng

- Giá trị thiệt hại: Triệu đồng

2.4.3. Số phòng bị tốc mái, hư hỏng

a. Khái niệm/định nghĩa

Phòng bệnh viện, trung tâm y tế, trạm xá bị tốc mái, hư hỏng là những phòng bệnh viện, trung tâm y tế, trạm xá bị tốc mái, lở tường,...do lụt, bão thiên tai gây ra và có thể sửa chữa lại đủ đảm bảo an toàn cho việc sử dụng.

b. Phương pháp tính

- Đếm và thống kê.

- Giá trị thiệt hại = Giá trị còn lại x % Mức độ thiệt hại.

c. Đơn vị tính

- Số lượng: Phòng

- Giá trị thiệt hại: Triệu đồng

2.4.4. Số phòng bị ngập nước

a. Khái niệm/định nghĩa

Phòng bệnh viện, trung tâm y tế, trạm xá là những phòng bệnh viện, trung tâm y tế, trạm xá dùng cho việc khám chữa bệnh bị ngập sàn, nền, mức độ ngập từ 0,2 m trở lên.

b. Phương pháp tính

- Đếm và thống kê.

- Giá trị thiệt hại = Giá trị còn lại x % Mức độ thiệt hại.

c. Đơn vị tính

- Số lượng: Phòng

- Giá trị thiệt hại: Triệu đồng

2.4.5. Các thiệt hại khác

a. Khái niệm/định nghĩa

Các thiệt hại khác: là toàn bộ tài sản có trong các cơ sở y tế Nhà nước hoặc tư nhân hiện đóng trên địa bàn đơn vị hành chính báo cáo bị thiệt hại do thiên tai gây ra như: giường bệnh, máy móc y tế, thuốc chữa bệnh...

b. Phương pháp tính

- Số lượng: Đếm và thống kê chi tiết trong phụ lục Bảng danh mục các loại thiệt hại kèm theo.

- Giá trị thiệt hại: Đối với tài sản của các cơ sở y tế thì tính giá trị thiệt hại là giá trị của tài sản đó tại thời điểm bị thiệt hại (nếu đem bán).

c. Đơn vị tính

Giá trị thiệt hại: Triệu đồng

d. Lưu ý: Gửi kèm Bảng danh mục các loại thiệt hại kèm theo (bao gồm: tên loại thiệt hại, số lượng và giá trị thiệt hại tương ứng đối với từng loại thiệt hại đó).

2.5. Nhóm chỉ tiêu thiệt hại về các công trình khác

2.5.1. Công trình văn hoá bị sập đổ, cuốn trôi

a. Khái niệm/định nghĩa

- Công trình văn hoá bị sập đổ, cuốn trôi là những công trình văn hóa bị phá huỷ hoàn toàn do thiên tai gây ra không thể sửa chữa để tái sử dụng.

b. Phương pháp tính

- Đếm và thống kê số công trình văn hoá bị sập đổ, cuốn trôi.

- Đối với công trình văn hóa thường = Giá trị còn lại của công trình.

- Đối với Di sản văn hoá và di tích lịch sử: không tính giá trị thiệt hại.

c. Đơn vị tính

- Số lượng: Cái

- Giá trị: Triệu đồng

2.5.2. Công trình văn hoá bị hư hỏng

a. Khái niệm/định nghĩa

Công trình văn hoá bị hư hỏng là những công trình văn hoá bị thiệt hại một phần do ảnh hưởng trực tiếp của thiên tai có thể sửa chữa và cải tạo lại được.

b. Phương pháp tính

- Đếm và thống kê số công trình văn hoá bị hư hỏng.

- Đối với công trình văn hoá thường = Giá trị còn lại của công trình x % Mức độ thiệt hại.

- Đối với Di sản văn hoá và di tích lịch sử: không tính giá trị thiệt hại.

c. Đơn vị tính

- Số lượng: Cái

- Giá trị: Triệu đồng

2.5.3. Trụ sở cơ quan bị sập đổ, cuốn trôi

a. Khái niệm/định nghĩa

- Trụ sở cơ quan là văn phòng làm việc để điều hành bộ máy hành chính hoặc chỉ đạo hoạt động kinh doanh.

- Trụ sở cơ quan bị sập đổ, cuốn trôi là trụ sở bị phá huỷ hoàn toàn do thiên tai gây ra không thể sửa chữa để tái sử dụng.

b. Phương pháp tính

- Đếm và thống kê số trụ sở cơ quan bị sập đổ, cuốn trôi.

- Giá trị thiệt hại = Giá trị còn lại của trụ sở.

c. Đơn vị tính

- Số lượng: Cái

- Giá trị: Triệu đồng

2.5.4. Trụ sở cơ quan bị hư hỏng

a. Khái niệm/định nghĩa

Trụ sở cơ quan bị hư hỏng: là những trụ sở bị thiệt hại một phần có thể sửa chữa lại đủ đảm bảo an toàn cho việc sử dụng.

b. Phương pháp tính

- Đếm và thống kê.

- Giá trị thiệt hại = Giá trị còn lại của Trụ sở x % Mức độ thiệt hại.

c. Đơn vị tính

- Số lượng: Cái

- Giá trị: Triệu đồng

2.5.5. Chợ, trung tâm thương mại bị sập đổ, cuốn trôi

a. Khái niệm/định nghĩa

- Chợ, trung tâm thương mại: là nơi diễn ra các hoạt động giao dịch kinh doanh như mua hàng, bán hàng và có trưng bày các sản phẩm hàng hoá kinh doanh đó.

- Chợ, trung tâm thương mại bị sập đổ, cuốn trôi là chợ, trung tâm thương mại bị phá huỷ hoàn toàn do thiên tai gây ra không thể sửa chữa để tái sử dụng.

b. Phương pháp tính

- Đếm và thống kê.

- Giá trị thiệt hại = Giá trị còn lại của chợ, trung tâm thương mại.

c. Đơn vị tính

- Số lượng: Cái

- Giá trị: Triệu đồng

2.5.6. Chợ, trung tâm thương mại bị hư hỏng

a. Khái niệm/định nghĩa

- Chợ, trung tâm thương mại bị hư hỏng là chợ, trung tâm thương mại bị thiệt hại một phần do ảnh hưởng của thiên tai có thể sửa chữa, cải tạo lại để đảm bảo an toàn tiếp tục sử dụng bình thường.

b. Phương pháp tính

- Đếm và thống kê.

- Giá trị thiệt hại = Giá trị còn lại của chợ, trung tâm thương mại x % Mức độ thiệt hại.

c. Đơn vị tính

- Số lượng: Cái

- Giá trị: Triệu đồng

2.5.7. Nhà kho bị sập đổ, cuốn trôi

a. Khái niệm/định nghĩa

- Nhà kho là một công trình xây dựng dùng để lưu trữ hàng hoá, vật tư, thiết bị và các đồ dùng khác.

- Nhà kho bị sập đổ, cuốn trôi là nhà kho bị phá huỷ hoàn toàn do thiên tai gây ra không thể sửa chữa để tái sử dụng.

b. Phương pháp tính

- Đếm và thống kê.

- Giá trị thiệt hại tính = Giá trị còn lại của nhà kho.

c. Đơn vị tính

- Số lượng: Cái

- Giá trị: Triệu đồng

2.5.8. Nhà kho hư hại

a. Khái niệm/định nghĩa

Nhà kho hư hại là nhà kho bị hỏng một phần do ảnh hưởng trực tiếp của lụt, bão, thiên tai và có thể sửa chữa, cải tạo đủ đảm bảo an toàn cho việc lưu trữ hàng hoá, sản phẩm.

b. Phương pháp tính

- Đếm và thống kê.

- Giá trị thiệt hại = Giá trị còn lại của nhà kho x % Mức độ thiệt hại.

c. Đơn vị tính

- Số lượng: m^2

- Giá trị: Triệu đồng

2.5.9. Các thiệt hại khác

a. Khái niệm/định nghĩa.

Các thiệt hại khác: Là toàn bộ hàng hoá, thiết bị, vật tư, đồ dùng khác có trong các công trình khác (nhà kho, chợ, trung tâm thương mại, trụ sở cơ quan...) bị thiệt hại do thiên tai gây ra.

b. Phương pháp tính

- Số lượng: Đếm và thống kê chi tiết trong phụ lục Bảng danh mục các loại thiệt hại kèm theo.

- Giá trị thiệt hại = ∑(từng loại hàng hoá, thiết bị, vật tư, đồ dùng x đơn giá).

c. Đơn vị tính:

- Giá trị: Triệu đồng

d. Lưu ý: Gửi kèm Bảng danh mục các loại thiệt hại kèm theo (bao gồm: tên loại thiệt hại, số lượng và giá trị thiệt hại tương ứng đối với từng loại thiệt hại đó).

2.6. Nhóm chỉ tiêu thiệt hại về nông nghiệp

2.6.1. Diện tích lúa bị thiệt hại

a. Khái niệm/định nghĩa

- Diện tích lúa bị thiệt hại là diện tích lúa bị ngập, bồi lấp, xói lở, ngập úng do thiên tai gây ra.

- Diện tích lúa bị mất trắng là diện tích bị thiệt hại hoàn toàn không thu hoạch được.

b. Phương pháp tính

- Đo và thống kê số diện tích bị thiệt hại (trong đó tách riêng diện tích theo các mức thiệt hại: <30%; từ 30% đến 70%; từ 70% trở lên);

- Giá trị thiệt hại = (Ước sản lượng lúa bị mất trắng x đơn giá) + (Ước sản lượng lúa bị giảm năng xuất x đơn giá).

c. Đơn vị tính

- Số lượng: Ha

- Giá trị thiệt hại: Triệu đồng

2.6.2. Diện tích mạ bị thiệt hại

a. Khái niệm/định nghĩa

- Diện tích mạ bị thiệt hại là diện tích bị ngập, bồi lấp, xói lở, ngập úng do thiên tai gây ra.

- Diện tích mạ bị mất trắng là diện tích bị thiệt hại hoàn toàn.

b. Phương pháp tính

- Đo và thống kê số diện tích bị thiệt hại (trong đó tách riêng diện tích theo các mức thiệt hại: <30%; từ 30% đến 70%; từ 70% trở lên);

- Giá trị thiệt hại = (Ước diện tích mạ bị mất trắng x đơn giá) + (Ước sản lượng mạ giảm năng xuất x đơn giá).

2.6.3. Diện tích hoa, rau mầu bị thiệt hại

a. Khái niệm/định nghĩa

- Diện tích hoa, rau mầu bị thiệt hại là diện tích bị ngập, bồi lấp, xói lở, ngập úng do thiên tai gây ra.

- Diện tích hoa, rau mầu bị mất trắng là diện tích bị thiệt hại hoàn toàn không thu hoạch được.

b. Phương pháp tính

- Đo và thống kê số diện tích bị thiệt hại (trong đó tách riêng diện tích theo các mức thiệt hại: <30%; từ 30% đến 70%; từ 70% trở lên);

- Giá trị thiệt hại = (Ước sản lượng hoa, rau mầu bị mất trắng x đơn giá) + (Ước sản lượng hoa, rau mầu bị giảm năng xuất x đơn giá).

c. Đơn vị tính

- Số lượng: Ha

- Giá trị thiệt hại: Triệu đồng

2.6.4. Diện tích cây công nghiệp dài ngày bị thiệt hại

a. Khái niệm/định nghĩa

- Cây công nghiệp dài ngày là những loại cây trồng có thời gian sinh trưởng trên 1 năm kể từ khi gieo trồng đến khi thu hoạch, trong đó tính cả cây có thời gian sinh trưởng như cây hàng năm nhưng cho thu hoạch trong nhiều năm với sản phẩm thu hoạch không phải để lấy gỗ làm nguyên liệu cho sản xuất công

nghiệp hoặc phải qua chế biến mới sử dụng được. Cây công nghiệp dài ngày gồm: cà phê, cao su, chè, điều, dừa, ca cao,...

- Diện tích cây công nghiệp dài ngày bị thiệt hại là diện tích bị ngập, bồi lấp, xói lở, ngập úng do thiên tai gây ra.

- Diện tích cây công nghiệp dài ngày bị chết là diện tích bị thiệt hại và hoàn toàn không thu hoạch được.

b. Phương pháp tính

- Đo và thống kê số diện tích bị thiệt hại (trong đó tách riêng diện tích theo các mức thiệt hại: <30%; từ 30% đến 70%; từ 70% trở lên);

- Giá trị thiệt hại là giá trị thực tế bị thiệt hại.

c. Đơn vị tính

- Số lượng: Ha

- Giá trị thiệt hại: Triệu đồng

2.6.5. Diện tích cây công nghiệp ngắn ngày bị thiệt hại

a. Khái niệm/định nghĩa

- Cây công nghiệp ngắn ngày là các loại cây có thời gian sinh trưởng từ khi gieo trồng đến khi thu hoạch không quá 1 năm, gồm cả các cây trồng lưu gốc như mía, lạc, cói, đay.

- Diện tích cây công nghiệp ngắn ngày bị thiệt hại là diện tích bị ngập, bồi lấp, xói lở, ngập úng do thiên tai gây ra.

- Diện tích cây công nghiệp ngắn ngày bị mất trắng là diện tích bị thiệt hại và hoàn toàn không thu hoạch được.

b. Phương pháp tính

- Đo và thống kê số diện tích bị thiệt hại (trong đó tách riêng diện tích theo các mức thiệt hại: <30%; từ 30% đến 70%; từ 70% trở lên);

- Giá trị thiệt hại là giá trị thực tế bị thiệt hại.

c. Đơn vị tính

- Số lượng: Ha

- Giá trị thiệt hại: Triệu đồng

2.6.6. Diện tích cây ăn quả bị thiệt hại

a. Khái niệm/định nghĩa

- Diện tích cây ăn quả bị thiệt hại là diện tích bị ngập, bồi lấp, xói lở, ngập úng do thiên tai gây ra.

- Diện tích cây ăn quả bị mất trắng là diện tích bị thiệt hại và hoàn toàn không thu hoạch được.

b. Phương pháp tính

- Đo và thống kê số diện tích bị thiệt hại (trong đó tách riêng diện tích theo các mức thiệt hại: <30%; từ 30% đến 70%; từ 70% trở lên);

- Giá trị thiệt hại là giá trị thực tế bị thiệt hại (trong đó tách riêng bị mất trắng).

b. Đơn vị tính

- Số lượng: Ha

- Giá trị thiệt hại: Triệu đồng

2.6.7. Đại gia súc bị chết

a. Khái niệm/định nghĩa

Đại gia súc bị chết là những con vật có trọng lượng và giá trị lớn như: trâu, bò, ngựa, gấu, voi... bị chết, bị cuốn trôi do thiên tai gây ra.

b. Phương pháp tính

- Đếm và thống kê số lượng đại gia súc bị thiệt hại.

- Giá trị thiệt hại = $\sum$ (số con theo từng loại x đơn giá).

c. Đơn vị tính

- Số lượng: Con

- Giá trị thiệt hại: Triệu đồng

2.6.8. Tiểu gia súc bị chết

a. Khái niệm/định nghĩa

Tiểu gia súc là những con vật có trọng lượng và giá trị nhỏ hơn như: dê, lợn, chó... bị chết hoặc bị trôi do thiên tai gây ra.

b. Phương pháp tính

- Đếm và thống kê số lượng tiểu gia súc bị thiệt hại.

- Giá trị thiệt hại = ∑ (số con theo từng loại x đơn giá).

c. Đơn vị tính

- Số lượng: Con

- Giá trị thiệt hại: Triệu đồng

2.6.9. Gia cầm bị chết

a. Khái niệm/định nghĩa

Gia cầm bị thiệt hại là những vật nuôi thuộc họ chim như: gà, vịt, ngan, ngỗng... bị chết hoặc bị trôi do thiên tai gây ra.

b. Phương pháp tính

- Đếm và thống kê số lượng gia cầm bị thiệt hại.

- Giá trị thiệt hại = ∑ (số con theo từng loại x đơn giá).

c. Đơn vị tính

- Số lượng: Con

- Giá trị thiệt hại: Triệu đồng

2.7. Nhóm chỉ tiêu thiệt hại về thủy lợi

2.7.1. Đê cấp III đến cấp đặc biệt bị thiệt hại

Là đê biển, đê sông đã được phân cấp từ cấp III đến cấp đặc biệt (do Trung ương đầu tư, xây dựng, tu sửa và nâng cấp; địa phương chỉ đóng góp một phần kinh phí) bị thiệt hại do thiên tai gây ra.

2.7.2. Đê từ cấp IV trở xuống bị thiệt hại

Là đê biển, đê sông dưới cấp III, đê bối, bờ bao (do địa phương đầu tư, xây dựng, tu sửa và nâng cấp; trung ương chỉ hỗ trợ một phần kinh phí) bị sạt lở, cuốn trôi và phá huỷ do thiên tai gây ra.

2.7.3. Kè bị thiệt hại

Là kè sông, kè biển bị sạt lở, cuốn trôi và phá hủy do thiên tai gây ra.

2.7.4. Kênh mương bị thiệt hại

Là kênh mương bị sạt lở, cuốn trôi và phá huỷ do thiên tai gây ra.

2.7.5. Bờ biển, bờ sông, suối bị thiệt hại

Là bờ biển, bờ sông, suối bị sạt lở, cuốn trôi và phá huỷ do thiên tai gây ra.

2.7.6. Hồ chứa, đập bị thiệt hại

Là hồ chứa, đập bị sạt lở, cuốn trôi và phá huỷ do thiên tai gây ra.

2.7.7. Công trình thuỷ lợi khác bị hư hại

Là các công trình liên quan đến tưới tiêu như: cầu máng, cống, v.v.. bị sạt lở, cuốn trôi và phá huỷ do thiên tai gây ra.

2.8. Nhóm chỉ tiêu thiệt hại về giao thông

2.8.1. Đường quốc lộ, tỉnh lộ bị thiệt hại

Là đường giao thông (do cấp trung ương và cấp tỉnh quản lý, đầu tư xây dựng, tu sửa và nâng cấp) bị sạt lở, cuốn trôi và phá huỷ do thiên tai gây ra.

2.8.2. Đường giao thông nông thôn bị thiệt hại

Là đường giao thông (do cấp địa phương quản lý, đầu tư xây dựng, tu sửa và nâng cấp) bị sạt lở, cuốn trôi và phá huỷ do thiên tai gây ra.

2.8.3. Đường sắt bị thiệt hại

Là đường giao thông dành cho tàu hoả do ngành đường sắt quản lý, đầu tư xây dựng, tu sửa và nâng cấp bị sạt lở, cuốn trôi và phá huỷ do thiên tai gây ra.

2.8.4. Cầu, cống bị thiệt hại

Là cầu cống bị sập, trôi, hư hại do thiên tai gây ra. Cầu cống bị sập trôi là cầu cống bị phá huỷ hoàn toàn.

2.8.5. Các phương tiện giao thông bị thiệt hại

Là các loại phương tiện giao thông như: phà, canô, tàu vận tải thủy, ô tô, xe máy, v.v... bị hư hại, cuốn trôi, phá huỷ do thiên tai gây ra.

2.9. Nhóm chỉ tiêu thiệt hại về thuỷ sản

2.9.1. Diện tích nuôi cá truyền thống bị thiệt hại

a. Phương pháp tính

- Căn cứ diện tích nuôi, mật độ thả theo quy định và mức độ ngập lụt hoặc dịch bệnh để tính ra sản lượng cá bị mất (trong đó tách riêng diện tích theo các mức thiệt hại: <30%; từ 30% đến 70%; từ 70% trở lên);

- Giá trị thiệt hại = (Ước sản lượng cá bị mất x đơn giá).

b. Đơn vị tính

- Số lượng: Ha

- Giá trị thiệt hại: Triệu đồng

2.9.2. Diện tích nuôi tôm quảng canh

a. Phương pháp tính

- Căn cứ diện tích nuôi, mật độ thả theo quy định và mức độ ngập lụt hoặc dịch bệnh để tính ra sản lượng tôm bị mất (trong đó tách riêng diện tích theo các mức thiệt hại: <30%; từ 30% đến 70%; từ 70% trở lên);

- Giá trị thiệt hại = (Ước sản lượng tôm bị mất x đơn giá).

b. Đơn vị tính

- Số lượng: Ha

- Giá trị thiệt hại: Triệu đồng

2.9.3. Diện tích nuôi tôm thâm canh

a. Phương pháp tính

- Căn cứ diện tích nuôi, mật độ thả theo quy định và mức độ ngập lụt hoặc dịch bệnh để tính ra sản lượng tôm bị mất (trong đó tách riêng diện tích theo các mức thiệt hại: <30%; từ 30% đến 70%; từ 70% trở lên);

- Giá trị thiệt hại = (Ước sản lượng tôm bị mất x đơn giá).

c. Đơn vị tính

- Số lượng: Ha

- Giá trị thiệt hại: Triệu đồng

2.9.4. Diện tích nuôi cá tra

a. Phương pháp tính

- Căn cứ diện tích nuôi, mật độ thả theo quy định và mức độ ngập lụt hoặc dịch bệnh để tính ra sản lượng cá tra bị mất (trong đó tách riêng diện tích theo các mức thiệt hại: <30%; từ 30% đến 70%; từ 70% trở lên);

- Giá trị thiệt hại = (Ước sản lượng cá bị mất x đơn giá).

b. Đơn vị tính

- Số lượng: Ha

- Giá trị thiệt hại: Triệu đồng

2.9.5. Diện tích nuôi nhuyễn thể

a. Phương pháp tính

- Căn cứ diện tích nuôi, mật độ thả theo quy định và mức độ ngập lụt hoặc dịch bệnh để tính ra sản lượng nhuyễn thể bị mất (trong đó tách riêng diện tích theo các mức thiệt hại: <30%; từ 30% đến 70%; từ 70% trở lên);

- Giá trị thiệt hại = (Ước sản lượng nhuyễn thể bị mất x đơn giá).

b. Đơn vị tính

- Số lượng: Ha

- Giá trị thiệt hại: Triệu đồng

2.9.6. Lồng bè nuôi thủy hải sản các loại

a. Phương pháp tính

- Căn cứ thể tích của từng lồng nuôi, mật độ thả theo quy định và mức độ thiệt hại để tính ra sản lượng thủy hải sản bị mất (trong đó tách riêng diện tích theo các mức thiệt hại: <30%; từ 30% đến 70%; từ 70% trở lên);

- Giá trị thiệt hại = (Ước sản lượng bị mất x đơn giá của từng loại).

b. Đơn vị tính

- Số lượng: 100 m^3

- Giá trị thiệt hại: Triệu đồng

2.9.7. Phương tiện khai thác thủy hải sản các loại

- Phương tiện khai thác thuỷ hải sản là tầu, thuyền, chài lưới, ...

- Tàu thuyền bị chìm, phá huỷ là những tầu thuyền bị mất hoàn toàn hoặc không còn khả năng sử dụng.

- Tàu thuyền bị mất tích là những tầu thuyền bị ảnh hưởng của thiên tai bị mất tích chưa tìm thấy.

- Tàu thuyền bị hư hại là tàu thuyền có khả năng sửa chữa, tái sử dụng.

2.13. Nhóm chỉ tiêu thiệt hại về nước sạch và vệ sinh môi trường

2.13.1. Diện tích vùng dân cư bị ô nhiễm

- Vùng dân cư bị ô nhiễm là diện tích mặt đất những nơi có nguồn nước (gồm nước sinh hoạt, nước sản xuất, nước cho nuôi trồng thuỷ hải sản...) hoặc môi trường không khí có các đặc tính hoá học vượt các tiêu chuẩn an toàn cho phép gây nguy hiểm cho sức khỏe con người cũng như các loài động thực vật.

- Không ước tính giá trị thiệt hại của diện tích vùng dân cư bị ô nhiễm.

2.13.2. Số người thiếu nước sạch sử dụng

- Nước sạch là nước là nước không mầu, không mùi, không có vị lạ, không bị ô nhiễm và không gây bệnh tật hoặc tổn hại đến sức khoẻ con người.

- Người thiếu nước sạch là người không có đủ 20 lít nước cho ăn, uống tắm giặt bình quân một ngày.

- Không ước tính giá trị thiệt hại về số người thiếu nước sạch sử dụng.

2.15. Kết quả khắc phục ban đầu

2.15.1. Số người được cứu

2.15.2. Số người được trợ giúp tiền hoặc hiện vật

2.15.3. Số tiền đã trợ giúp

- Tổng số tiền đã trợ giúp bao gồm tiền và hiện vật qui đổi ra tiền từ Chính phủ, các tổ chức và cá nhân hỗ trợ trực tiếp người dân chịu ảnh hưởng của thiên tai.

- Đơn vị tính: Triệu đồng.